TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/DS-ST
Ngày: 21-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Tuyển.

Ông Võ Ánh Sửu.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2019/TLST - DS, ngày 09 tháng 9 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1972; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Phan Ngọc L, sinh năm 1971; có mặt.

Bà Bành Thị Thanh T, sinh năm 1975; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Tôi và vợ chồng ông Phan Ngọc L bà Bành Thị Thanh T có quan hệ mua bán phân bón, thuốc trừ sâu... và vay tiền với nhau, thời gian diễn ra giao dịch nhiều lần, trong khoảng 10 năm, trong quá trình mua bán, vay mượn thì có ghi vào sổ của ông H.

Đến ngày 09/5/2018 hai bên có đối chiếu công nợ thì vợ chồng ông L còn nợ ông H số tiền 319.095.000 đồng. Khi đó, hai bên thỏa thuận hẹn 09/6/2018 (âm lịch) sẽ trả hết nợ này.

Đến thời hạn trả nợ, mặc dù đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng ông L vẫn không trả cho ông H như thỏa thuận. Nay yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông L bà T phải trả số nợ 319.095.000 đồng và tiền lãi suất theo lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay, ông H yêu cầu phải trả ngay toàn bộ số nợ này.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc bị đơn ông Phan Ngọc L trình bày:

Tôi và vợ là bà Bành Thị Thanh T có quan hệ mua bán phân bón, thuốc trừ sâu... và vay tiền với ông Phạm Văn H, thời gian diễn ra giao dịch nhiều lần, cách đây khoảng 10 năm, trong quá trình mua bán, vay mượn thì có ghi vào sổ. Hai bên thỏa thuận là cuối năm là thanh toán.

Đến ngày 09/5/2018 hai bên có đối chiếu công nợ thì vợ chồng ông L còn nợ của ông H số tiền 319.095.000 đồng. Khi đó, ông H yêu cầu vợ chồng ông phải trả ngay trong vòng 01 tháng nhưng do kinh tế gia đình khó khăn, tiêu thì chết, gia đình còn vay ngân hàng nữa nên vợ chồng ông không có để trả. Đối với *"giấy nhận nợ 2018"* mà ông H cung cấp vợ chồng ông không có ký vào mục người nợ tiền ký (chữ viết mang tên *Phan Ngọc L* không phải ông viết) nhưng ông L chấp nhận số nợ này.

Nay ông H yêu cầu vợ chồng ông L trả số nợ 319.095.000 đồng và lãi suất, ông chấp nhận số nợ gốc 319.095.000 đồng còn số tiền lãi, do kinh tế khó khăn, không có điều kiện để trả nên không chấp nhận.

Về thời hạn trả nợ: Vợ chồng ông L sẽ trả mỗi năm 20.000.000 đồng vào cuối năm; nếu làm ăn có dư nhiều hơn thì sẽ trả nhiều hơn cho đến khi trả xong nợ.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc bị đơn bà Bành Thị Thanh T trình bày:

Tôi và chồng là ông Phan Ngọc L có quan hệ mua bán phân bón, thuốc trừ sâu... và vay tiền với ông Phạm Văn H, thời gian diễn ra giao dịch nhiều lần, cách đây khoảng 10 năm, trong quá trình mua bán, vay mượn thì có ghi vào sổ. Hai bên thỏa thuận là cuối năm là thanh toán.

Đến ngày 09/5/2018 hai bên có đối chiếu công nợ thì vợ chồng bà T còn nợ của ông H số tiền 319.095.000 đồng. Khi đó, ông H yêu cầu vợ chồng bà T phải trả ngay trong vòng 01 tháng nhưng do kinh tế gia đình khó khăn, tiêu thì chết, gia đình còn vay ngân hàng nữa nên vợ chồng bà không có để trả.

Đối với giấy nhận nợ 2018 mà ông H cung cấp vợ chồng bà T không có ký vào mục người nợ tiền ký (chữ viết mang tên *Bành Thị Thanh T* không phải bà viết) nhưng bà chấp nhận số nợ này.

Nay ông H yêu cầu vợ chồng bà T trả số nợ 319.095.000 đồng và lãi suất, bà chấp nhận trả số nợ gốc 319.095.000 đồng, còn số tiền lãi do kinh tế khó khăn không có điều kiện để trả nên không chấp nhận.

Về thời hạn trả nợ: Vợ chồng bà T sẽ trả mỗi năm 20.000.000 đồng vào cuối năm; nếu làm ăn có dư nhiều thì sẽ trả nhiều hơn cho đến khi trả xong nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H, cần buộc ông Phan Ngọc L bà Bành Thị Thanh T trả cho ông Phạm Văn H 319.095.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án kiện tranh chấp hợp đồng mua bán, vay tài sản giữa nguyên đơn ông Phạm Văn H với bị đơn ông Phan Ngọc L, bà Bành Thị Thanh T là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Văn H và ông Phan Ngọc L, bà Bành Thị Thanh T có quan hệ mua bán phân bón, thuốc trừ sâu... và vay tiền với nhau. Giao dịch nhiều lần, thời gian giao dịch diễn ra khoảng 10 năm, đến ngày 09/5/2018 hai bên đối chiếu công nợ thì ông L bà Thảo còn nợ ông H số tiền 319.095.000 đồng, hẹn đến ngày 09/6/2018 (âm lịch) sẽ trả hết nợ.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông L bà T không thừa nhận chữ ký và chữ viết của mình trong *"giấy nhận nợ 2018"* "dưới phần *"người nợ tiền ký"* nhưng ông bà thừa nhận có nợ của ông H số tiền 319.095.000 đồng. Mặt khác, tại phiên tòa ông bà thừa nhận chữ viết và chữ ký dưới mục *" người nợ tiền ký"* là do mình viết và ký ra. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Việc thiết lập hợp đồng mua bán và vay tài sản giữa ông Phạm Văn H với ông Phan Ngọc L bà Bành Thị Thanh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp

luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại Điều 430, Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

Ông H đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên bán và cho vay tài sản nhưng ông L bà Thảo không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên mua và vay tài sản là phải trả đủ tiền. Như vậy, ông L bà T đã vi phạm nghĩa vụ của bên mua và vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 440, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc ông L bà T không thực hiện nghĩa vụ của bên mua và vay tài sản đối với bên bán và cho vay tài sản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, ông H yêu cầu ông L bà Thảo trả 319.095.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về thời hạn trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông L bà T xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ đối với số nợ trên nhưng ông H không đồng ý. Xét thấy, yêu cầu của ông L bà T về thời hạn trả nợ như trên là không hợp lý và không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Vì vậy, cần buộc ông L bà T phải trả cho ông H toàn bộ số nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn H yêu cầu ông Phan Ngọc L, bà Bành Thị Thanh T phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật, thời hạn kể từ ngày vợ chồng ông L vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nhưng vợ chồng ông L không chấp nhận vì hiện nay gia đình ông bà kinh tế rất khó khăn, không có điều kiện để trả tiền lãi suất.

Xét thấy: Khi mua bán hai bên không có thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận về việc bên mua và vay tài sản là vợ chồng ông L phải giao tiền cho bên bán và cho vay là ông H trong thời hạn chậm nhất là ngày 09/6/2018(âm lịch). Như vậy, vợ chồng ông L đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, cần buộc ông L bà T phải chịu tiền lãi kể từ ngày 09/6/2018 (âm lịch) tức là ngày 21/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm như sau: [319.095.000 đồng x 0,83%/tháng x 454 ngày] : 30 = 40.080.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự: Cần buộc ông Phan Ngọc L bà Bành Thị Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cần trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự cho ông Phạm Văn H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26

Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H.

1. Buộc ông Phan Ngọc L, bà Bành Thị Thanh T phải trả cho ông Phạm Văn H số tiền 319.095.000 đồng nợ gốc; nợ lãi 40.080.000 đồng. Tổng cộng là 359.175.000 (Ba trăm năm mươi chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự: Buộc ông Phan Ngọc L bà Bành Thị Thanh T phải chịu 17.958.000 (Mười bảy triệu chín trăm năm mươi tám nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Phạm Văn H 7.975.000 (Bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2019/0001020, ngày 29 tháng 8 năm 2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn H, bị đơn ông Phan Ngọc L bà Bành Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Cổng TTĐT Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa